TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **08**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: **15/5/2023**
"Về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương Giang và bà Nguyễn Thị Thúy

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Xoa- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Thanh T,** sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đậu 8B, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn Phú Xá, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T1,** sinh năm 1985

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đậu 8B, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn Tân Kỳ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Các đương đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Triệu Thị Thanh T trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Trần Văn T1 được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên ngày 28/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu

năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nhưng vì thương con nên chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng và mong muốn cho anh T1 thay đổi nhưng càng ngày anh T1 càng quá đáng, đi chơi qua đêm không về nhà, đối nhân xử thế với chị rất tệ bạc, gây áp lực về tinh thần cho chị. Từ đó, mặc dù chung sống một nhà nhưng vợ chồng ly thân nhau, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 nên chị quyết định đi thuê nhà ở riêng và làm ăn sinh sống độc lập không còn liên quan gì đến cuộc sống của anh T1 anh T1 cũng làm ăn buôn bán độc lập với chị. Nay, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 để cả hai người sớm được ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

2. Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Quang Thắng, sinh ngày 18/5/2013. Nay, vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nhưng nếu anh T1 cũng có nguyện vọng tiếp tục nuôi con và con chị có nguyện vọng ở với anh T1 chị hoàn toàn tôn trọng nguyện vọng của con chị.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngoài ra, chị có đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa ở các cấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Trần Văn T1 *trình bày:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định về thời gian tìm hiểu nhau, điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống dẫn đến trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên xảy ra xích mích. Mặt khác, chị T có tình cảm với người đàn ông khác nên ít quan tâm đến cuộc sống gia đình, anh góp ý với chị T thì chị T tỏ thái độ không tôn trọng anh và bỏ mặc mọi công việc đối nội đối ngoại cho anh lo toan, gánh vác. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh cũng tìm nhiều biện pháp để khắc phục để vợ chồng được gắn bó cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị T không chấp nhận, bỏ ra ngoài thuê nhà sinh sống và làm ăn riêng độc lập và vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi.

Anh xác định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, trong lúc nóng giận vợ chồng cãi nhau anh có tát chị T vì thái độ cư xử của chị coi thường anh. Nay, mặc dù vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, làm ăn kinh tế riêng biệt nhưng vì thương con nên anh vẫn mong muốn được vợ chồng đoàn tụ với chị T cho con đỡ khổ, nếu chị T không đồng ý thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị T.

2. Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Quang Thắng, sinh ngày 18/5/2013, anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được tiếp tục muôi dưỡng con và anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

3. Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ngoài những vấn đề trên thì anh T1 không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin vắng tại phiên tòa. Tại nội dung đơn đề nghị của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án xử cho chị được ly hôn với anh T1 và đồng ý giao con cho anh T1được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh được tiếp tục muôi dưỡng con và anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Ngoài ra, cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:Nguyên đơn hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Thanh T ly hôn anh Trần Văn T1; Về con chung: Giao con là Trần Quang Thắng, sinh ngày 18/5/2013 cho anh Trần Văn T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục,nuôi dưỡng; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 về việc không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà,ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,đương sựtrên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn là anh Trần Văn T1 hiện cư trú tại thôn Tân Kỳ, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều được Tòa án giấy triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Triệu Thị Thanh Tvà anh Trần Văn T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên ngày 28/10/2012. Do vậy, xác định quan hệ của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng xảy ra liên tiếp và kéo dài khiến cả hai đều bị áp lực tinh thần nên chị T đã đi thuê nhà ở riêng và làm ăn kinh tế độc lập không còn liên quan gì đến cuộc sống của anh T T1, anh T1cũng làm ăn buôn bán độc lập với chị T hai người không có trách nhiệm gì với nhau. Anh T1 xác định vợ chồng đã sống ly thân nhưng vì thương con nên anh có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng với chị T. Tuy nhiên, trong suốt thời gian anh chị sống ly thân thì cả hai đều không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, không cải thiện được tình cảm vợ chồng.

Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị T và anh T T1 không thực hiện được các nghĩa vụ trên nên cần xử cho chị T ly hôn anh T1là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định vợ chồng chị T và anh T1 có 01 con chung là Trần Quang Thắng, sinh ngày 18/5/2013. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay thì cháu Thắng là con trai đã và đang do anh T1 nuôi dưỡng, ổn định về việc học tập, sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày, cháu thể hiện nguyện vọng được ở với bố cháu. Mặt khác, chị T thể hiện quan điểm hoàn toàn tôn trọng nguyện vọng của con nên xét việc giao con chung cho anh T1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định của pháp luật. Đối với việc anh T1 tự nguyện không yêu cầu chị Tranh cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy rằng hiện nay, anh T1 có kinh doanh nhà hàng ăn uống ổn định, có thu nhập, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con nên sự tự nguyện của anh T1 phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị T và anh T1 đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị T và anh T1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị Triệu Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Triệu Thị Thanh T ly hôn anh Trần Văn T1

2. Về con chung: Xử giao con là Trần Quang Thắng, sinh ngày 18/5/2013 cho anh Trần Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Chị Triệu Thị Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001854 ngày 24/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Cẩm Giàng;*
- *Chị Cục thi hành án DS huyện Cẩm Giàng;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã Minh Đức, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Kết hôn ngày 28/10/2012);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP Tòa án..*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trương Thị Tố Uyên